TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 27/7/2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dần

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Quyết

2. Bà Đinh Thị Phong

Thư ký phiên tòa: Bà Quách Ngọc Mai - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2026/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2026/QĐXX - ST ngày 09 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh ngày 16/6/2002. Nơi cư trú: Khu C, nay là Thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ. Dân tộc: Mường. Nghề nghiệp: Công nhân. Có mặt

- Bị đơn*:* Anh Bùi Văn Đ, sinh ngày 03/02/1996. Nơi cư trú: Khu C, nay là Thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ. Dân tộc: Mường. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Bùi Thị H đã trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn Đ kết hôn năm 2021 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống của địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình nay là UBND xã T, tỉnh Phú Thọ vào ngày 24/11/2021. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên chung sống một thời gian vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng về lối sống và quan điểm sống khiến mâu thuẫn vợ chồng

ngày càng trầm trọng. Mặc dù được hai bên gia đình khuyên bảo để hàn gắn nhưng đến nay nhận thấy tình cảm không còn, quan điểm sống không đồng nhất, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn Đ.

- Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn Đ có 01 con chung là cháu Bùi Thị Diệp Á, sinh ngày 27/6/2022. Hiện nay cháu đang ở với chị Bùi Thị H tại Khu C, nay là Thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết giao con cho chị Bùi Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Bùi Văn Đ có quyền thăm non con chung theo quy định.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung*:* Chị Bùi Thị H chưa yêu cầu anh Bùi Văn Đ đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung*:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận việc đăng ký kết hôn, thời gian và quá trình chung sống với chị Bùi Thị H, như chị H đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng hạnh phúc sau một thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, sau nhiều lần cãi vã tình cảm vợ chồng phai nhạt, tính cách không hợp nhau, đã nhiều lần nói chuyện nhưng tình cảm đến nay không thể hàn gắn và đã sống ly thân không quan tâm đến nhau từ tháng 4/2026 đến nay. Nay chị H xác định không còn tình cảm, thì anh Đ cũng đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn Đ có 01 con chung là cháu Bùi Thị Diệp Á, sinh ngày 27/6/2022. Từ khi sống ly thân chị H đã mang con về sống cùng ông bà ngoại cùng thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ là người trực tiếp trông nom cháu. Anh Đ cũng có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị H xác định mẫu thuẫn giữa chị với anh Bùi Văn Đ đã ngày càng trầm trọng, chị xác định không còn tình cảm với anh Đ nên tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Về con chung, chị đề nghị được

trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Diệp Á đến khi con trưởng thành. Về cấp dưỡng, chị chưa yêu cầu anh Đ về việc cấp dưỡng nuôi con,

Anh Đ đồng ý ly hôn với chị H nhưng về con chung, anh không đồng ý để chị H nuôi dưỡng. Anh xác định anh có đủ điều kiện để nuôi con nên đề nghị Toà án giao cháu Bùi Thị Diệp Á cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 35, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị H với anh Bùi Văn Đ.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Bùi Thị Diệp Á, sinh ngày 27/6/2022 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con; Các bên không được cản trở quyền thăm nom con của nhau.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

- Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp, xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Bùi Văn Đ, nơi cư trú: Khu C, nay là Thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về Nội dung giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn Đ là tự nguyện, vào ngày 24/11/2021 được UBND thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình (nay là UBND xã T, tỉnh Phú Thọ) cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị H, HĐXX thấy rằng: Quá trình vợ chồng chị H, anh Đ chung sống với nhau sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh Đ xác định vợ chồng anh không có tiếng nói chung trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng phai nhạt, tính cách không hợp nhau, vợ chồng nhiều lần nói chuyện nhưng không thể hàn gắn. Chị H và anh Đ cùng công nhận đã sống ly thân với nhau. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh Đ, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn. Anh Đ cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình*: " 1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau ... . 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau ..... ".* Tuy nhiên, hiện nay chị H và anh Đ đã không còn chung sống cùng nhau. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà mặc dù Toà án đã hoà giải nhưng chị H và anh Đ không đồng ý đoàn tụ, kiên quyết xin ly hôn. Điều này cho thấy tình cảm của chị H và anh Đ dành cho nhau đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị H được ly hôn với anh Đ.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn Đ có 01 con chung là cháu Bùi Thị Diệp Á sinh ngày 27/06/2022. Chị H hiện đang làm công nhân, thu nhập hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 8.500.000 đồng, đề nghị được nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Diệp Á và chưa yêu cầu anh Đ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Diệp Á và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau: *"2. Vợ, chồng thoả thuận về người trực nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; ...."*

HĐXX thấy rằng, cả chị H và anh Đ đều có công việc ổn định, có thu nhập hàng tháng, đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, xét thấy cháu Bùi Thị Diệp Á là con gái, còn nhỏ tuổi, nên cần nhiều sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Thực

tế, từ khi chị H và anh Đ sống ly thân đến nay, cháu Bùi Thị Diệp Á cũng đang sống ổn định cùng mẹ tại nhà ông bà ngoại tại thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ. Theo biên bản xác minh ngày 08/7/2026 của trưởng thôn Chiềng Khến đã cung cấp thông tin, anh Đ cũng thường xuyên làm việc xa nhà, do đó thực tế phần lớn thời gian cháu Bùi Thị Diệp Á đều sống cùng mẹ, chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Do vậy việc giao cháu Bùi Thị Diệp Á cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cũng sẽ đảm bảo cho việc phát triển ổn định của trẻ nhỏ.

Từ những nhận định trên, xét thấy, để đảm bảo quyền lợi và điều kiện tốt nhất cho con chung của chị H và anh Đ, cần chấp nhận đề nghị của chị H, giao cháu Bùi Thị Diệp Á sinh ngày 27/6/2022 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Bùi Thị Diệp Á trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn Đ đều xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị H:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Diệp Á, sinh ngày 27/6/2022 cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Bùi Thị H chưa yêu cầu anh Bùi Văn Đ đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Văn Đ có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0005085 ngày 01/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị Bùi Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án được xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- THA dân sự tỉnh Phú Thọ;
- VKSND kv 15- Phú Thọ;
- UBND xã Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Dần